

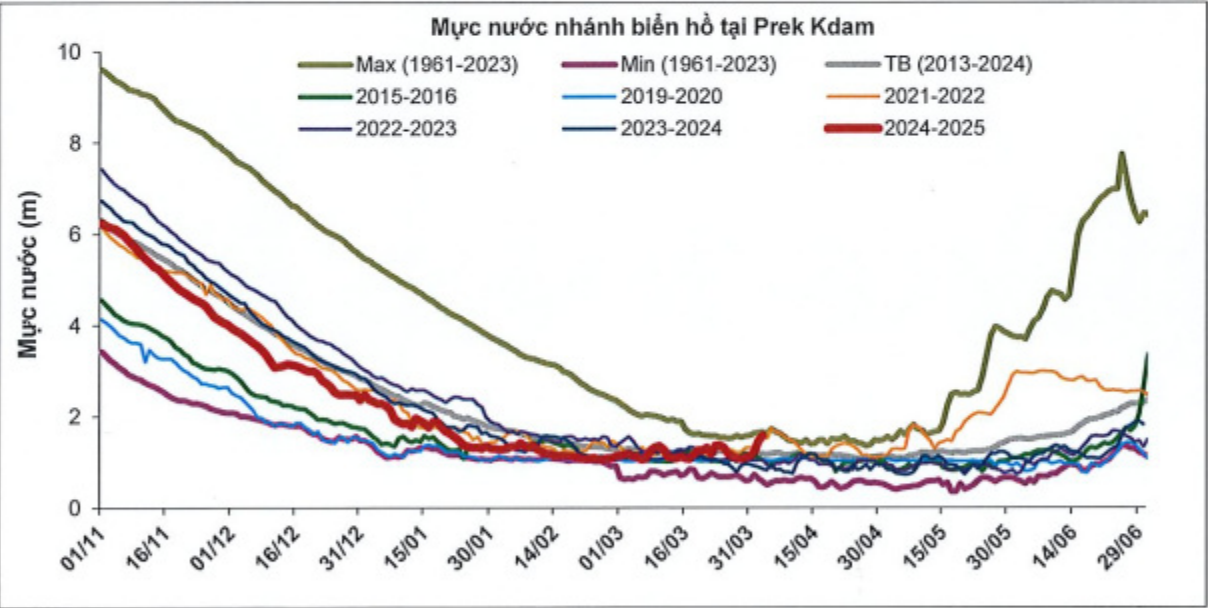
BẢN TIN DỰ BÁO TUẦN
DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG
PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO SẢN XUẤT VÀ ĐIỀU HÀNH CẤP NƯỚC
MÙA KIẾT NẴM 2024-2025
(Tuần từ 4/4/2025 – 10/4/2025)

1. DIỄN BIẾN NGUỒN NƯỚC SÔNG MÊ CÔNG

Hai yếu tố thượng lưu quan trọng đến diễn biến nguồn nước, xâm nhập mặn ở ĐBSCL là lượng trữ trong Biển Hồ (Tonle Sap) và dòng chảy đến Kratie được cập nhật dưới đây.

1.1. Chế độ nước trong Biển Hồ (Tonle Sap)

Mức nước nhánh vào hồ Tonle Sap tại Prek Kdam (Hình 1), ngày 3/4 ở cao trình 1,58m.



Hình 1. Diễn biến mực nước trạm Prek Kdam - Biển hồ, cập nhật ngày 3/4/2025

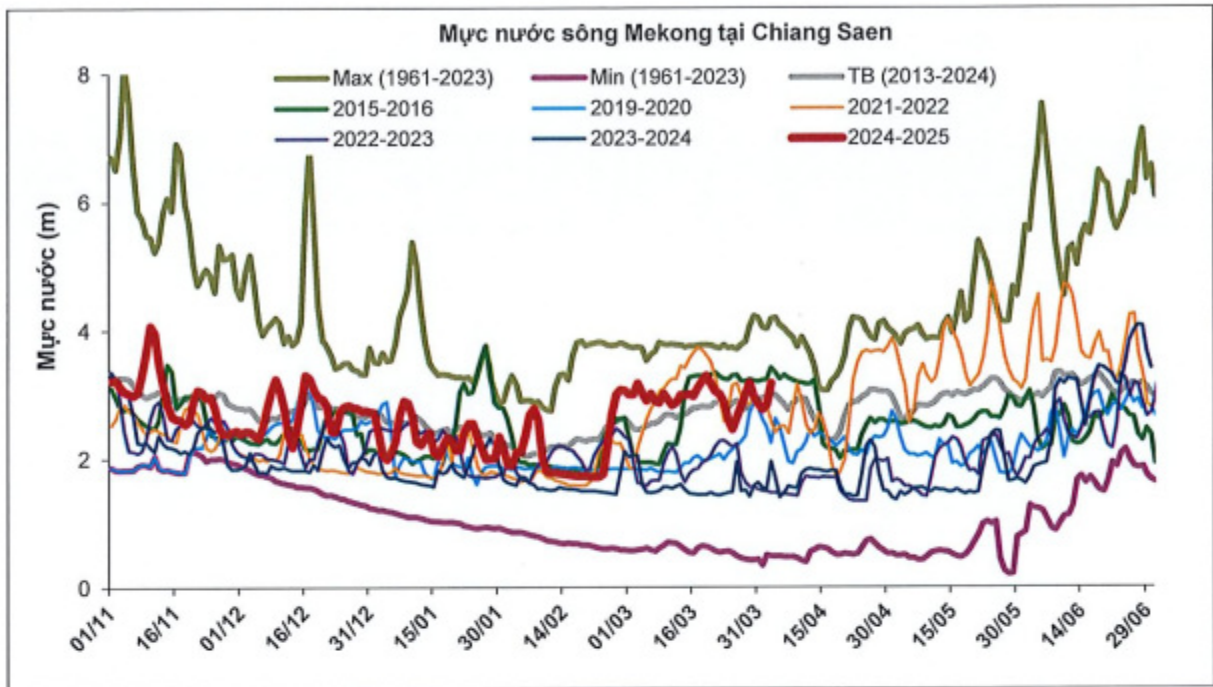
1.2. Dòng chảy trên dòng chính sông Mê Công

Bảng 1: Mực nước* hiện tại các trạm chính và dung tích hồ Tonle Sap

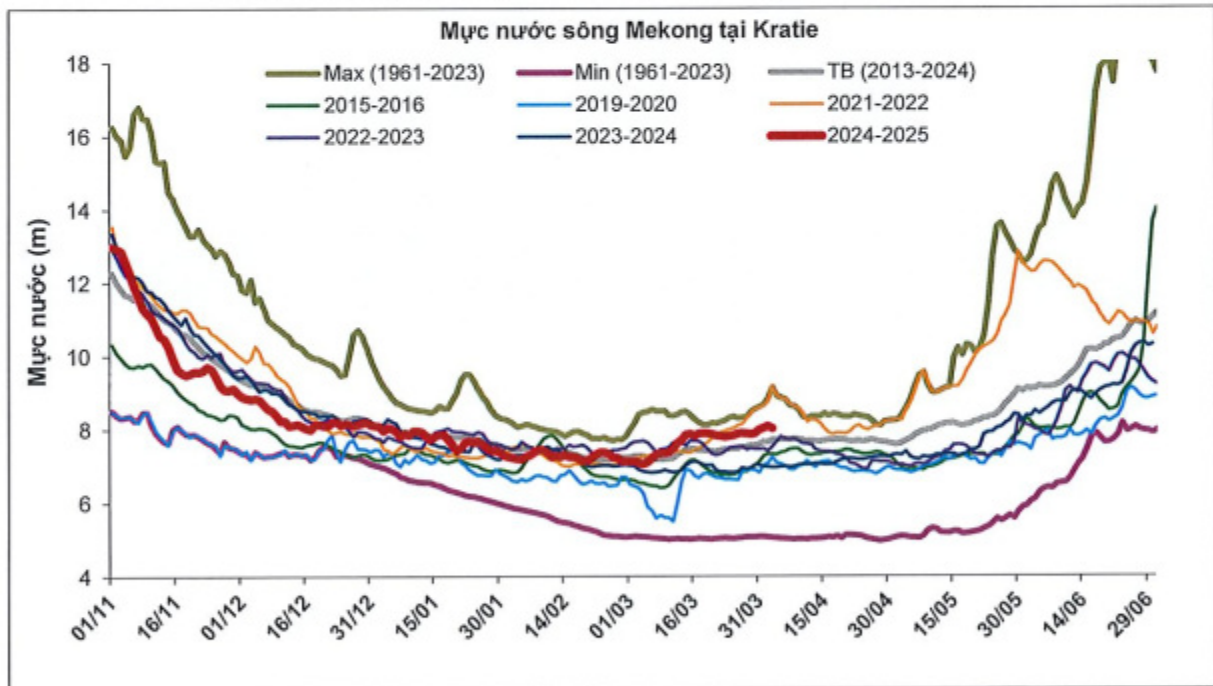
Trạm	Đơn vị	Giá trị ngày 3/4/2025	Khác biệt mực nước (m) và dung tích hồ (tỷ m³) so với một số năm cùng thời điểm					
			TB (2013-2024)	2023-2024	2022-2023	2021-2022	2019-2020	2015-2016
Chiang Saen*	m	3,17	+0,17	+1,22	+1,70	+0,60	+0,93	-0,24
Kratie*	m	8,02	+0,31	+1,06	+0,50	-1,16	+0,79	+0,70
Prekdam*	m	1,58	+0,40	+0,73	+0,54	+0,01	+0,52	+0,54
Dung tích hồ	Tỷ m³	1,32	-0,60	-0,19	-0,42	+1,32	-0,23	-0,16

Ghi chú: *: cao độ mực nước các trạm thượng lưu theo số liệu của MRC là cao độ tương đối; (-) là thấp hơn;

Hình 2 và Hình 3 cập nhật diễn biến mực nước đến ngày 3/4/2025 tại trạm Chiang Saen và trạm Kratie trên dòng chính sông Mê Công về đồng bằng:



Hình 2. Diễn biến mực nước tại Chiang Saen –Thái Lan



Hình 3. Diễn biến mực nước về qua trạm Kratie

Bảng 2: Mực nước lớn nhất hiện tại một số trạm trên đồng bằng

Trạm	Ngày 3/4/2025	Mực nước (m) so với một số năm cùng thời điểm (-) là thấp hơn					
		TB (2013-2024)	2023-24	2022-23	2021-22	2019-20	2015-16
Tân Châu	1,80	+0,65	+0,84	+0,79	+0,10	+0,90	+0,86
Châu Đốc	1,95	+0,64	+0,84	+0,77	+0,11	+0,76	+0,87
Mỹ Thuận	1,81	+0,70	+0,98	+0,77	+0,20	+0,79	+0,86
Cần Thơ	1,84	+0,67	+0,87	+0,76	+0,25	+0,83	+0,87

Dòng chảy về châu thổ sông Mê Công vào mùa kiệt phụ thuộc vào lưu lượng điều tiết từ thượng nguồn, dòng chảy từ Biển Hồ Tonle Sap và thay đổi theo triều, cụ thể:

- Tại trạm Kratie: Tính đến ngày 3/4/2025, mực nước tại trạm Kratie hiện ở mức 8,02m. So sánh với số liệu trong quá khứ cho thấy, mực nước tại đây hiện cao hơn khoảng 0,31m so với TBNN; khoảng 1,06m so với mùa khô 2023-2024; khoảng 0,5m so với mùa khô 2022-2023; khoảng 0,79m so với mùa khô 2019-2020; khoảng 0,7m so với mùa khô 2015-2016, tuy nhiên thấp hơn khoảng 1,16m so với mùa khô 2021-2022.

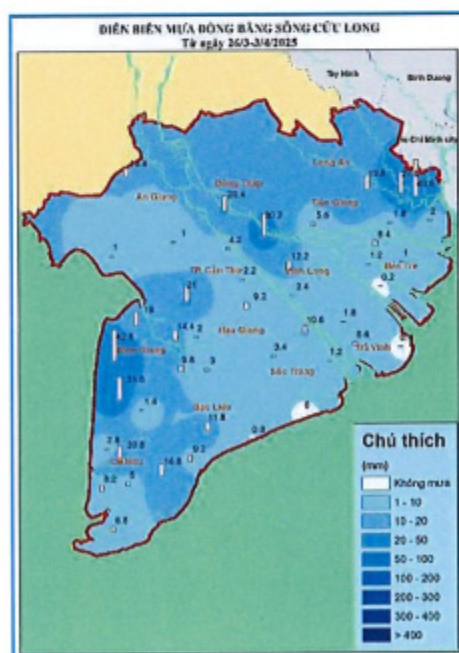
- Tại Biển Hồ: Hồ Tonle Sap hiện đang trong giai đoạn xả nước, dung tích hiện tại còn khoảng 1,32 tỷ m³. So sánh với số liệu trong quá khứ cho thấy, dung tích hiện thấp hơn khoảng 0,16 tỷ m³ so với mùa khô 2015-2016; khoảng 0,23 tỷ m³ so với mùa khô 2019-2020; khoảng 0,19 tỷ m³ so với mùa khô 2023-2024; khoảng 0,6 tỷ m³ so với TBNN; khoảng 0,42 tỷ m³ so với mùa khô 2022-2023, nhưng cao hơn khoảng 1,32 tỷ m³ so với mùa khô 2021-2022.

- Tại Tân Châu và Châu Đốc: Mực nước tại trạm Tân Châu và Châu Đốc ngày 3/4/2025 đạt lần lượt là 1,80 m và 1,95 m. Dự báo chi tiết diễn biến mực nước trên Đồng bằng xem Phụ lục 2.

2. DIỄN BIẾN NGUỒN NƯỚC TRÊN ĐỒNG BẰNG VÀ DỰ BÁO TIỀM NĂNG NGUỒN NƯỚC MÙA KHÔ

2.1. Diễn biến mưa trên đồng bằng

Trong tuần từ ngày 26/3-3/4/2025, theo như dự báo, ĐBSCL xuất hiện mưa trái mùa với vũ lượng phổ biến từ 5-10mm trên diện rộng của Đồng bằng (Hình 4). Dự báo tuần tới sẽ có mưa xuất hiện rải rác với vũ lượng nhỏ trên Đồng bằng.



Hình 4. Bản đồ lũy tích lượng mưa trên Đồng bằng (từ ngày 26/3-3/4/2025)

Theo dự báo cập nhật ENSO ngày 19/3/2025 của IRI/CPC, khả năng ENSO trung

tính là rất cao (91%) trong giai đoạn tháng 3 - tháng 5/2025, điều kiện ENSO trung tính trội hơn tiếp tục cho đến giai đoạn tháng 9 – tháng 11. Khả năng xảy ra El Niño vẫn rất thấp trong suốt thời gian dự báo.

2.2. Diễn biến và dự báo nguồn nước vùng đồng bằng sông Cửu Long trong tuần

Trong tuần từ 28/3/2025 - 3/4/2025 xả nước từ thủy điện Cảnh Hồng xuống hạ lưu dao động trong khoảng từ 1.339 m³/s đến 2.396 m³/s, được xem là tiếp tục xả tăng cường. Các hồ chứa trên lưu vực sông Mê Công thuộc Trung Quốc có dung tích điều tiết là 13,71 tỷ m³, tương đương với 57,7% tổng dung tích hữu ích. Các hồ chứa hạ lưu vực Mê Công có 53,0% tổng dung tích hữu ích. Tổng dung tích nước có thể điều tiết cho mùa kiệt năm 2024-2025 trên lưu vực sông Mê Công ở hiện tại vào khoảng 35,83 tỷ m³. Dự báo dòng chảy bình quân về ĐBSCL các tháng đầu mùa kiệt 2024-2025 tại Bảng 3.

Bảng 3: Lưu lượng thực đo và dự báo tại Kratie 2024-2025

Tháng	QKratie (m ³ /s)	So với một số năm					
		TB (2013-2024)	2023-24	2022-23	2021-22	2019-20	2015-16
Th.03/2025	3.817	+381	+1.023	+156	-54	+1.673	+1.232
Dự báo Th.04/2025	3.917	+11	+887	+496	-947	+1.050	+508
Dự báo Th.04/2025	3.714	-993	-24	+314	-4.008	+575	+472

Trong tuần qua (từ 28/3-3/4/2025) mặn tăng trên các cửa sông, mặn có hàm lượng 4g/l vào sâu nhất vào khoảng 37-45km, đặc biệt trên nhánh Sông Cổ Chiên và Hàm Luông do ảnh hưởng gió Chướng, mặn vào sâu 57- 60km. Dự báo xâm nhập mặn trong tuần từ 4/4 đến 10/4, mặn có xu thế giảm nhẹ đến cuối tuần dự báo, mặn 4g/l thấp nhất cuối tuần dự báo cách cửa sông 35-45km, nhánh sông Hàm Luông mặn vào sâu 55km. Đề phòng mặn tăng cao bất thường do gió Chướng ở một số cửa sông Cửu Long, cần kiểm tra kỹ chất lượng nước trước khi lấy và tranh thủ lấy nước ngay khi có thể.

- Vùng thượng ĐBSCL, bao gồm phần đất tỉnh An Giang, Đồng Tháp, thượng nguồn Long An, Kiên Giang và TP. Cần Thơ nguồn nước đảm bảo.

- Vùng giữa ĐBSCL, bao gồm phần đất thuộc TP. Cần Thơ, tỉnh Tiền Giang, Long An, Kiên Giang, Hậu Giang, Đồng Tháp, tỉnh Vĩnh Long và vùng được kiểm soát mặn ở Bạc Liêu, Sóc Trăng, Trà Vinh, Bến Tre. Trong tuần mặn có xu thế giảm, tranh thủ lấy nước ngay khi có thể.

- Vùng ven biển ĐBSCL: bao gồm ven biển các tỉnh ven biển ĐBSCL (Long An, Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau và tỉnh Kiên Giang). Mặn đã ảnh hưởng đến các vùng ven biển, nguồn nước trữ giảm nhanh, cơ hội lấy nước bổ sung là hiếm. Để đảm bảo sản xuất các tháng mùa khô cần tăng cường giám sát mặn, tranh thủ tích nước mỗi khi có thể, bơm gạn ngọt khi triều rút và cập nhật các bản tin dự báo thường xuyên.

Trong tuần dự báo từ 04/04/2025 đến 10/04/2025, mặn có xu thế giảm, chiều

sâu ranh mặn 4g/l thấp nhất trên các cửa sông Cửu Long từ 35-45km, ngoại trừ nhánh Hàm Luông khoảng 55km. Vận hành hợp lý các công trình kiểm soát mặn, tranh thủ lấy tích nước ngay khi có thể, giám sát chặt chẽ chất lượng nước trước khi lấy.

3. KHUYẾN NGHỊ SẢN XUẤT VÀ QUẢN LÝ NƯỚC MÙA KIẾT 2024-2025

Nguồn nước về đồng bằng thuộc nhóm năm dưới trung bình nước, tần suất dòng chảy các tháng kiệt ở mức 60%-75%, phụ thuộc vào sự vận hành thủy điện trên lưu vực. Dự báo mặn xâm nhập mùa kiệt 2024-2025 ở mức cao hơn trung bình nhiều năm. Một số diện tích lúa Đông Xuân dự kiến thu hoạch trong tháng 4/2025 thuộc các tỉnh Trà Vinh (các huyện Duyên Hải, Trà Cú, Cầu Ngang, Tiểu Cần, Châu Thành); Hậu Giang (huyện Long Mỹ, TX. Long Mỹ, Phụng Hiệp); Sóc Trăng (Kế Sách, Châu Thành, Thạnh Trị, Mỹ Tú); Bạc Liêu (Hòa Bình, Vĩnh Lợi, Phước Long, Giá Rai); Long An (Tân Trụ, Cần Đước, Cần Giuộc); Tiền Giang (Gò Công Tây, Tân Phước, Châu Thành); và Bến Tre (Ba Tri), mặc dù nằm trong vùng bảo vệ các hệ thống thủy lợi, tuy nhiên vẫn có thể bị thiếu nước, vì vậy các địa phương cần tranh thủ các thời gian nước ngọt về để tích nước đảm bảo cho sản xuất đề phòng mặn cao trở lại trong tháng 4/2025:

- Vùng thượng ĐBSCL: nguồn nước đủ, khó khăn chủ yếu ở vùng núi cao Tịnh Biên, Tri Tôn, cần thực hiện các biện pháp trữ nước và tưới tiết kiệm nước.
- Vùng giữa ĐBSCL: vận hành hợp lý các công trình kiểm soát mặn và tích nước mỗi khi có thể, khi lấy ngọt hoặc tưới cho cây trồng cần kiểm tra chặt chẽ độ mặn, nhất là đối với cây ăn quả.
- Vùng ven biển ĐBSCL: xâm nhập mặn bất thường có thể làm ảnh hưởng đến nguồn nước và sản xuất ở các hệ thống thủy lợi ven biển như Gò Công, Bắc Bến Tre, vùng ven biển Trà Vinh. Do vậy, cần chuẩn bị các phương án ứng phó, tích trữ và sử dụng nước hợp lý, đặc biệt là nước đảm bảo cho các vùng ăn Trái thuộc huyện Châu Thành, Chợ Lách, Mỏ Cày Bắc – Nam thuộc tỉnh Bến Tre; huyện Kế Sách - tỉnh Sóc Trăng.

Tích nước ở các thủy điện trên lưu vực Mê Công hiện cao hơn so với cùng thời kỳ ở các năm trước. Vận hành hợp lý các hồ này sẽ tạo thuận lợi cho sản xuất trên đồng bằng trong năm. Ngược lại, vận hành tích nước bất thường có thể gây ra các tác động bất lợi. Đợt xả nước tăng cường ở các thủy điện Trung Quốc từ 21/2 đến nay được xem là có tác động tích cực đến giảm xâm nhập mặn từ giữa tháng 3 đến nay. Hiện việc xả nước cao vẫn được duy trì và sẽ có tác động đáng kể đến giảm xâm nhập mặn đến cuối tháng 4/2025.

Các thông tin về nguồn nước sẽ liên tục được cập nhật hàng tuần giúp các địa phương chủ động tăng cường các biện pháp trữ nước khi cần để đảm bảo an toàn cho sản xuất.

4. KẾT LUẬN - KIẾN NGHỊ

Dự báo nguồn nước về ĐBSCL mùa khô 2024-2025 thuộc nhóm năm có tần suất xuất hiện vào khoảng 60-75%, xâm nhập mặn ở mức cao hơn trung bình. Ranh giới mặn 4g/l cao nhất trên các cửa sông từ 45-65km, nằm trong vùng bảo vệ của các hệ thống thủy lợi, tích trữ nước hợp lý sẽ đảm bảo nguồn nước cho sản xuất đủ diện tích theo kế hoạch hàng năm của các địa phương. Tích nước bất thường có thể làm mặn vào sâu hơn so với dự báo.

Ngày 17/02/2025 Thủ tướng Chính phủ đã ra Công điện số 15/CD-TTg về việc chủ động ứng phó đợt xâm nhập mặn cao điểm ở ĐBSCL, vì vậy các địa phương chủ động các giải pháp thích ứng với hạn hán và xâm nhập mặn trong năm, theo dõi cập nhật các bản tin để chủ động tích trữ nước phục vụ dân sinh và đảm bảo an toàn cho sản xuất.

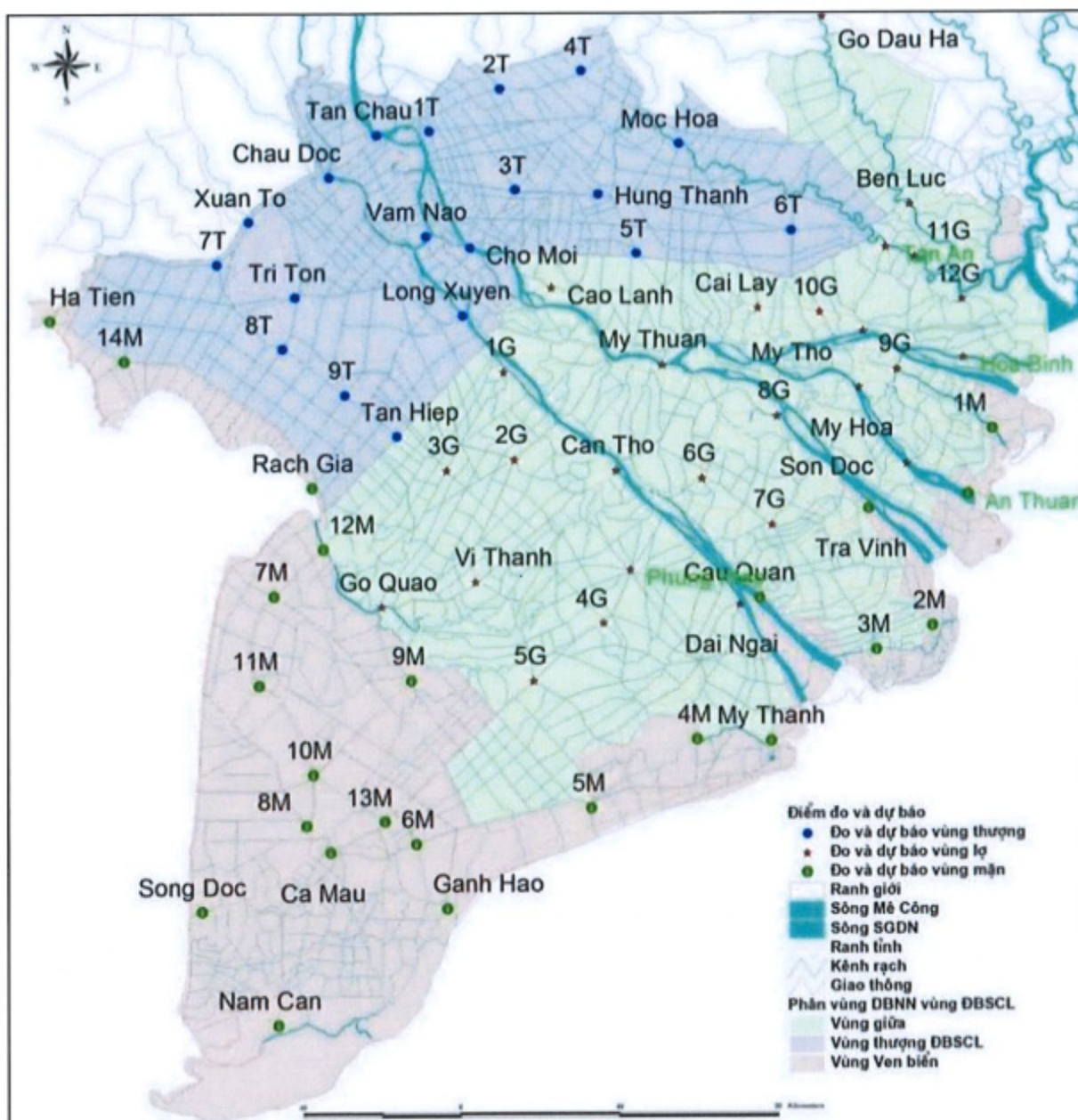
VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI MIỀN NAM



Ghi chú :

- Việc dự báo nguồn nước mùa khô đang được thực hiện tại Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam theo sự phân giao nhiệm vụ của Bộ. Bản tin dự báo sẽ được tiếp tục cập nhật các tuần kế tiếp và được đăng trên Website: <http://www.siwrr.org.vn>
- Ngoài ra để phục vụ kịp thời cho sản xuất, kính đề nghị các địa phương có các thông tin về tình hình xâm nhập mặn, nguồn nước, sản xuất hoặc có yêu cầu khác xin gửi về Viện theo email: dbnn.dbscl19@gmail.com
- Khi cần liên hệ gấp, xin vui lòng gọi tới: 1) Ông Trần Minh Tuấn (di động: 0913 888 478); 2) Ông Tô Quang Toàn (di động: 0918 000 377)/.

Phụ lục 1: Sơ họa vị trí các điểm dự báo nguồn nước vùng đồng bằng Sông Cửu Long



Phụ lục 2: Cập nhật mực nước lớn nhất các vùng trên ĐBSCL

STT	Trạm	Ngày dự báo							
		03/04	04/04	05/04	06/04	07/04	08/04	09/04	10/04
I. Vùng Thượng đồng bằng									
1	1T	1,36	1,38	1,36	1,31	1,28	1,23	1,18	1,15
2	2T	0,93	0,95	0,99	1,01	0,97	0,88	0,79	0,76
3	3T	0,97	1,00	1,05	1,07	1,01	0,91	0,80	0,75
4	4T	0,70	0,72	0,76	0,78	0,76	0,70	0,63	0,59
5	5T	0,97	1,00	1,02	1,03	0,94	0,84	0,80	0,79
6	6T	0,67	0,70	0,70	0,70	0,64	0,57	0,54	0,53
7	7T	0,28	0,29	0,30	0,30	0,29	0,27	0,24	0,22
8	8T	0,28	0,31	0,33	0,33	0,32	0,28	0,24	0,21
9	9T	0,30	0,33	0,36	0,37	0,35	0,30	0,24	0,21

STT	Trạm	Ngày dự báo							
		03/04	04/04	05/04	06/04	07/04	08/04	09/04	10/04
10	Châu Đốc	1,95	1,81	1,78	1,61	1,59	1,54	1,51	1,49
11	Chợ Mới	1,63	1,56	1,47	1,37	1,24	1,18	1,13	1,11
12	Hưng Thạnh	0,68	0,71	0,74	0,76	0,71	0,63	0,55	0,51
13	Long Xuyên	1,92	1,80	1,72	1,62	1,50	1,47	1,45	1,45
14	Mộc hóa	0,63	0,66	0,66	0,67	0,63	0,53	0,49	0,49
15	Tân Châu	1,80	1,71	1,67	1,53	1,42	1,37	1,33	1,30
16	Tân Hiệp	0,50	0,53	0,55	0,56	0,54	0,50	0,44	0,40
17	Tri Tôn	0,51	0,54	0,56	0,57	0,55	0,51	0,46	0,44
18	Vàm Nao	1,86	1,74	1,70	1,66	1,54	1,48	1,44	1,42
19	Xuân Tô	0,48	0,50	0,51	0,52	0,48	0,43	0,38	0,38
II. Vùng Giữa đồng bằng									
1	1G	1,66	1,62	1,52	1,39	1,39	1,38	1,37	1,37
2	2G	0,95	0,99	1,00	0,98	0,93	0,87	0,86	0,85
3	3G	0,50	0,53	0,55	0,56	0,54	0,52	0,48	0,44
4	4G	1,12	1,12	1,08	1,02	0,97	0,92	0,91	0,89
5	5G	0,67	0,71	0,72	0,72	0,71	0,69	0,68	0,66
6	6G	1,54	1,44	1,24	1,18	1,26	1,31	1,31	1,33
7	7G	1,13	1,13	1,08	1,06	1,02	0,98	0,95	0,94
8	8G	1,45	1,36	1,20	1,24	1,28	1,28	1,26	1,25
9	9G	1,45	1,42	1,32	1,29	1,22	1,14	1,11	1,08
10	10G	1,19	1,14	1,06	1,06	1,08	1,06	1,04	1,02
11	11G	1,04	0,94	0,79	0,86	0,92	0,91	0,91	0,90
12	12G	1,21	1,05	0,84	0,99	1,09	1,12	1,10	1,10
13	Bến Lức	1,43	1,37	1,24	1,22	1,21	1,17	1,16	1,16
14	Cai Lậy	1,29	1,24	1,12	1,16	1,19	1,17	1,16	1,16
15	Cần Thơ	1,84	1,68	1,41	1,30	1,36	1,38	1,38	1,40
16	Cao Lãnh	1,62	1,42	1,35	1,30	1,27	1,19	1,15	1,13
17	Đại Ngãi	1,93	1,72	1,46	1,44	1,59	1,71	1,75	1,78
18	Gò Dầu Hạ	0,82	0,88	0,83	0,75	0,67	0,58	0,53	0,50
19	Gò Quao	0,67	0,68	0,70	0,70	0,68	0,66	0,62	0,58
20	Hòa Bình	1,29	1,14	0,97	1,11	1,21	1,23	1,19	1,18
21	Mỹ Hoà	1,40	1,30	1,16	1,25	1,30	1,31	1,27	1,24
22	Mỹ Tho	1,43	1,23	1,07	1,19	1,29	1,31	1,31	1,25
23	Mỹ Thuận	1,81	1,72	1,56	1,41	1,34	1,34	1,30	1,30
24	Phụng Hiệp	1,49	1,42	1,24	1,15	1,22	1,26	1,26	1,28
25	Sơn Đốc	1,33	1,19	1,04	1,19	1,29	1,31	1,32	1,28
26	Tân An	1,46	1,36	1,20	1,28	1,34	1,35	1,33	1,33
27	Vị Thanh	0,71	0,74	0,75	0,76	0,73	0,70	0,65	0,61
III. Vùng ven biển									
1	1M	1,31	1,18	1,00	1,14	1,22	1,26	1,23	1,22
2	2M	1,50	1,32	1,11	1,21	1,31	1,35	1,36	1,34
3	3M	1,58	1,39	1,15	1,18	1,32	1,39	1,43	1,40
4	4M	1,61	1,38	1,10	1,10	1,28	1,38	1,45	1,43

STT	Trạm	Ngày dự báo							
		03/04	04/04	05/04	06/04	07/04	08/04	09/04	10/04
5	5M	1,73	1,57	1,26	1,24	1,39	1,50	1,51	1,55
6	6M	1,41	1,43	1,35	1,15	1,05	1,04	1,05	1,05
7	7M	0,46	0,47	0,46	0,46	0,44	0,41	0,38	0,33
8	8M	0,71	0,72	0,73	0,73	0,71	0,69	0,65	0,62
9	9M	0,70	0,72	0,73	0,73	0,72	0,70	0,67	0,63
10	10M	0,57	0,59	0,59	0,59	0,58	0,55	0,53	0,49
11	11M	0,55	0,55	0,56	0,56	0,55	0,53	0,50	0,46
12	12M	0,80	0,79	0,74	0,69	0,65	0,60	0,49	0,39
13	13M	0,66	0,68	0,69	0,69	0,68	0,67	0,66	0,63
14	14M	0,26	0,26	0,26	0,25	0,25	0,23	0,21	0,19
15	An Thuận	1,31	1,18	1,02	1,17	1,26	1,30	1,27	1,25
16	Cà Mau	0,94	0,95	1,00	1,00	0,95	0,88	0,77	0,70
17	Cầu Quan	1,72	1,54	1,33	1,26	1,37	1,43	1,49	1,49
18	Gành Hào	2,07	1,92	1,69	1,45	1,61	1,74	1,79	1,83
19	Hà Tiên	0,31	0,30	0,29	0,28	0,28	0,26	0,23	0,20
20	Mỹ Thanh	1,56	1,37	1,10	1,10	1,25	1,35	1,40	1,39
21	Năm Căn	1,70	1,55	1,37	1,16	1,21	1,29	1,37	1,38
22	Rạch Giá	0,31	0,30	0,29	0,29	0,28	0,26	0,23	0,20
23	Sông Đốc	0,90	0,89	0,85	0,81	0,75	0,70	0,66	0,60
24	Trà Vinh	1,59	1,43	1,24	1,35	1,45	1,48	1,46	1,43

Ghi chú:

	Tương đương ngày đầu tuần dự báo
	Cao hơn ngày đầu tuần dự báo
	Thấp hơn ngày đầu tuần dự báo

Phụ lục 3: Dự báo độ mặn lớn nhất trong tuần một số trạm cửa sông chính trên ĐBSCL

STT	Trạm	Ngày dự báo mặn							
		03/04	04/04	05/04	06/04	07/04	08/04	09/04	10/04
1	Vàm Giồng	8,0	↓	↓	↓	↓	↓	↓	7,0
2	Trà Vinh	7,5	↓	↓	↓	↓	↓	↓	6,5
3	Mỹ Hóa	5,1	↓	↓	↓	↓	↓	↓	4,0
4	Cầu Quan	7,0	↓	↓	↓	↓	↓	↓	6,5
5	Gò Quao	4,0	↓	↓	↓	↓	↓	↓	< 4,0
6	Đại Ngãi	6,8	↓	↓	↓	↓	↓	↓	6,0

Ghi chú:

- ↑ Mặn đang xu thế tăng
- ↑ a ↓ Mặn tăng và đạt đỉnh 'a' trước khi giảm ở các ngày sau
- ↓ Mặn đang xu thế giảm
- ↓ b ↑ Mặn giảm và đạt chân 'b' trước khi tăng trở lại ở các ngày sau
- Mặn ít biến động hoặc khó lường so với ngày trước đó